

Bản án số: 38/2020/HS-ST

Ngày: 23 - 10 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;

2. Ông Lê Minh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thị Ng, sinh năm 1978; Tại: Th L, Thiệu Hóa, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Ph L1, xã Th L, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn K và bà Hoàng Thị Ngh; Chồng: Nguyễn Văn Hưởng; Có 03 con, con lớn sinh năm 2002; con nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Ng là: Bà Hoàng Thị Thủy – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

- Người bị hại: Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn M Đ, xã Th L, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị H vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Lê Văn Ch, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ L2, xã Th L, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 8 giờ ngày 08/7/2020 chị Trịnh Thị H, sinh năm 1988 ở thôn M Đ, xã Th L, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đi xe mô tô wave alpha màu đỏ, biển kiểm soát 36M5 – 9116 đến nhà chị Lê Thị Ng, sinh năm 1978 ở thôn Ph L1, xã Th L, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa để mua lá móc mật. Khi đến nơi, chị H đi qua công nhà bà Thiệu Thị Hợp (là mẹ chồng của Ng) rồi dựng xe mô tô ở góc sân nhà bà Hợp, trên yên xe có một chiếc chậu nhôm đựng một cái cân và 01 cái làn, trong làn có 01 túi bóng màu vàng để ví màu đỏ, tiền, điện thoại và 02 cuốn sổ tay, quan sát không thấy người nên Ng nảy sinh ý định trộm cắp. Lê Thị Ng dùng tay trái lấy chiếc túi bóng màu vàng đi nhanh về hướng công nhà mình, rồi đi về hướng cánh đồng thôn Ph L1, xã Th L. Trên đường đi Ng gặp anh Lê Văn Ch, sinh năm 1978, ở thôn Ph L1, xã Th L, huyện Thiệu Hóa, lúc này Ng vẫn cầm chiếc túi bóng màu vàng đựng tài sản vừa trộm cắp được của chị H. Đi đến khu vực gần đường đi vào Nghĩa trang thôn Ph L1, xã Th L, Ng kiểm tra túi bóng màu vàng bên trong có 01 điện thoại, 01 ví màu đỏ đựng tiền và 02 cuốn sổ tay, Ng lấy điện thoại và tiền bỏ vào túi quần rồi vứt túi bóng ở bờ ruộng, còn ví và 02 cuốn sổ tay Ng vứt xuống kênh nước N11 rồi tiếp tục đi làm đồng. Khi về nhà Ng kiểm tra điện thoại trộm cắp được là điện thoại SamsungJ4 màu tím, tiền Việt Nam 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Ngày 14/7/2020 Ng đến Công an đầu thú và giao nộp chiếc điện thoại, số tiền trộm cắp được Ng đã chỉ tiêu cá nhân hết.

Ngày 24/7/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thiệu Hóa định giá kết luận: chiếc điện thoại Samsung J4 trị giá là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Về phần dân sự: Ngày 01/8/2020 chị Nguyễn Thị H đã nhận lại chiếc điện thoại, đối với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) bị cáo Ng đã bồi thường cho chị H, chị H không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS - TH ngày 27/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Lê Thị Ng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng: Khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Đề nghị xử phạt Lê Thị Ng từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi bóng màu vàng, chiều rộng 31cm, dài 40 cm có bán dính chất màu đen, đã qua sử dụng.

Về án phí: Bị cáo Lê Thị Ng phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố, không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh hình phạt và các vấn đề

khác. Khi nói lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo Ng đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự. Người bào chữa đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt, xử phạt bị cáo mức án vừa đảm bảo tính răn đe và nghiêm minh của pháp luật vừa đảm bảo chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự Việt Nam, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội; Đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, do bị cáo thuộc hộ cận nghèo có hoàn cảnh khó khăn đề nghị miễn hình phạt tiền bổ sung cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi, chứng cứ xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Ng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án ; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 8 giờ ngày 08/7/2020, Lê Thị Ng đã lợi dụng sơ hở, có hành vi lén lút trộm cắp 01 túi bóng màu vàng bên trong có 01 điện thoại, 01 ví màu đỏ có số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và 02 cuốn sổ tay. Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, xâm hại đến trật tự quản lý xã hội, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong một bộ phận quần chúng nhân dân; Hành vi đó phải được xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Tình tiết

giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra Cơ quan Công an đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng lần đầu phạm tội, xét điều kiện cho hưởng án treo là đủ điều kiện nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần giao cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục và ấn định thời gian thử thách cũng đủ cải tạo bị cáo và cũng là để thể hiện chính sách khoan hồng và nhân đạo của Nhà nước.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*” do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, bị cáo là lao động tự do, không nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo; Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Thị Ng đã bồi thường cho gia đình chị H. Chị H đã nhận lại tài sản. Chị H không yêu cầu gì thêm, việc thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc túi bóng màu vàng, chiều rộng 31cm, dài 40 cm có bán dính chất màu đen, đã qua sử dụng. Là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc ví màu đỏ, 02 cuốn sổ tay bị cáo Ng đã vứt không thu hồi được, chị H không có yêu cầu bồi thường nên miễn xét.

[10]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Ng phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Lê Thị Ng 7 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị Ng cho Ủy ban nhân dân xã Th L, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án

có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi bóng màu vàng, chiều rộng 31cm, dài 40 cm có bán dính chất màu đen, đã qua sử dụng.

(Đặc điểm các vật chứng này theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thiệu Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa ngày 15/9/2020).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Lê Thị Ng phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thiệu Hóa;
- Bị cáo; Bị hại;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA